

ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU TẠI VIỆT NAM: nỗ lực đúng cách sẽ dẫn đến thành công

GS Trần Văn Đoàn

Đại học Trường Vinh (Đài Loan)

GS Trần Văn Đoàn từng là GS cao cấp của Đại học Quốc gia Đài Loan (National Taiwan University - NTU), thành viên của Viện Hàn lâm Academia Catholica thuộc Đại học Công giáo Phụ Nhân (Đài Loan) kiêm nhiệm nghiên cứu viên cao cấp (senior principal fellow). Hiện ông là Tổng biên tập Tạp chí Khoa học của Đại học Trường Vinh (Đài Loan), đồng thời được giao trọng trách trợ giúp đại học này phát triển thành một đại học nghiên cứu. Ông cũng là nhà khoa học có nhiều công bố quốc tế và có kinh nghiệm làm việc với nhiều đại học nghiên cứu lớn trên thế giới.

Với sự quan tâm tới nền giáo dục đại học trong nước, đặc biệt là xu hướng xây dựng đại học nghiên cứu, ông đã có bài viết trao đổi về cách tiếp cận của một số trường đại học lớn, qua đó gợi ý cho việc triển khai thực hiện mô hình đại học nghiên cứu ở Việt Nam.

Giáo dục đại học và mô hình đại học nghiên cứu - Sự lựa chọn của Đài Loan

Hệ thống đại học, cao đẳng Đài Loan đều theo mô hình của Hoa Kỳ. Các khuôn viên đại học cũng được xây dựng tương tự như Hoa Kỳ. Đại học thường được phân thành 5 cấp: 1) *Đại học nghiên cứu* (khoảng chừng 10 đại học, như NTU, Thành Công, Thanh Hoa, Giao thông, Trung ương, Chính trị...), tương đương với hệ thống University of California của Hoa Kỳ; 2) *Đại học nghiên cứu và đào tạo* (như: Phụ Nhân, CJCU, tương đương với những đại học Purdue, Loyola, George Mason...); 3) *Đại học đào tạo* (khoảng trên 100 đại học, tương đương với hệ thống California State University); 4) *Đại học mở* (open university) phục vụ việc học tập suốt đời qua các phương tiện công nghệ hiện đại (như tivi,

radio...) và học online; 5) *Đại học cộng đồng* (community college). Ngoài đại học, Đài Loan từng có hệ thống cao đẳng 5 năm sau lớp 9 (cấp kỹ sư với bằng Associate Degree, AA), hay 3 năm (tốt nghiệp tương đương với lớp 12, đào tạo kỹ thuật viên). Ngoài ra, Đài Loan còn có hệ thống đại học sư phạm với 12 trường, như: Đại học Sư phạm Đài Loan, National Taiwan Normal University. Từ sau năm 2000, các đại học tư được quyền mở các phân khoa sư phạm và gần đây nhiều trường sư phạm sáp nhập vào đại học nhà nước, thành một viện gọi là College.

Một số đặc điểm của đại học nghiên cứu ở Đài Loan

Về mục đích: đại học nghiên cứu đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu. Công tác đào tạo

tuy quan trọng nhưng là đào tạo những người nghiên cứu và lãnh đạo, khác với các đại học thiên về đào tạo, hay trường cao đẳng chú trọng đào tạo nghề nghiệp.

Về tính cạnh tranh: đại học nghiên cứu thường rất chọn lọc, chỉ những sinh viên hàng đầu mới hy vọng được nhập học. Tại Đài Loan, NTU là trường đại học thu hút được nhiều sinh viên giỏi nhất, vượt trên cả Đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa của Trung Quốc về thành tích khoa học và nghiên cứu (theo bảng xếp hạng của Đại học Giao thông Thượng Hải). NTU từng được Bảng xếp hạng đại học thế giới Quacquarelli Symonds (QS World University Rankings) xếp hạng 51-60 trên thế giới và nằm trong “top” 100 trường đại học trên thế giới theo bảng xếp hạng của Tạp chí Times Higher

Education (The World University Rankings), từng có một cựu sinh viên đoạt Giải Nobel hóa học và một GS đoạt Giải Nobel vật lý. Các tổng thống dân bầu của Đài Loan cho đến nay đều xuất thân từ NTU. Một số cựu sinh viên của trường đã hoặc đang làm hiệu trưởng ở một số đại học của Mỹ, như California, Berkeley. Tương tự, chỉ những nhà khoa học hàng đầu mỗi ngành mới có cơ hội được tuyển chọn làm việc trong đại học nghiên cứu như NTU.

Về tổ chức, các hệ đào tạo: đại học nghiên cứu có nhiều trường (school institute), trung tâm nghiên cứu hơn là các khoa. Nếu các khoa thường chỉ đào tạo hệ cử nhân, thì ở trường chú trọng đào tạo sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ). Nơi chỉ có nghiên cứu không cấp bằng được gọi là trung tâm, hay viện hàn lâm. Hậu tiến sĩ (post-doctoral research) là những người được nhận tiếp tục nghiên cứu sau khi đã hoàn thành bậc tiến sĩ (nếu không tham gia bậc đào tạo hậu tiến sĩ thì chỉ được chấp nhận giảng dạy chứ không được tham gia các nghiên cứu chuyên ngành).

Đại học nghiên cứu chú trọng đến nghiên cứu nhiều, nên giảng dạy ít. Giảng viên trung bình chỉ dạy 2-6 tiết/tuần, thời gian chính dành cho nghiên cứu, thí nghiệm, hay hướng dẫn sinh viên.

Về ban giảng viên và tỷ lệ người dạy/người học: tại NTU, ban giảng viên bao gồm giảng sư, GS trợ lý, GS và PGS. Tùy theo thành tích, công lao, GS có thể được phong GS đặc cách

(distinguished professor), GS giảng tòa (chair professor). Giảng viên thường là những chuyên gia vừa hoàn thành học vị tiến sĩ. Cũng có chuyên gia không có bằng cấp, nhưng nổi tiếng về lĩnh vực mà họ nghiên cứu. Tại NTU, học giả ban giảng viên là thành phần chính và được coi là những chuyên gia hàng đầu của Đài Loan. Tỷ lệ trung bình giữa giảng viên/người học là 1/10. Mỗi giảng viên đều có phòng nghiên cứu, và làm việc “bất kể thời gian”, nên sinh viên có thể gặp giảng viên một cách dễ dàng vào bất cứ thời gian nào trong tuần.

Cách tổ chức lớp học, giảng dạy cũng khác với đại học thông thường. Đa số là “seminar” (thảo luận, trình bày kết quả nghiên cứu), do đó, giảng viên bắt buộc phải cập nhật những kiến thức mới.

Đại học nghiên cứu đánh giá ban giảng viên theo kết quả nghiên cứu, thông qua những công bố khoa học (quốc tế và quốc gia). Những người có thành tích đặc biệt (với nhiều giải thưởng quốc tế) thường dễ được đề bạt và được bổ nhiệm làm giảng viên dài hạn (tenure), hay suốt đời (for life). Mỗi giảng viên phải có những công trình nghiên cứu cấp nhà nước, hay cấp quốc tế hàng năm. Có nhiều người mỗi năm đều có 2-3 công trình nghiên cứu liên quan. Các giảng viên được trợ cấp càng nhiều, càng được đại học trọng dụng. Đại học nghiên cứu rất cạnh tranh trong công bố khoa học. “Công bố hay là chết” (publish or perish) là “luật bất thành văn”, gây áp lực

vô cùng lớn cho giảng viên, sinh viên thuộc hệ thống đại học này.

Bình duyệt và kiểm định: tại Đài Loan, đại học nghiên cứu mang tính quốc tế. Bình duyệt đến từ những chuyên gia quốc tế thông qua các chương trình kiểm định rất nghiêm túc. Tại NTU, cứ 2 năm một lần thực hiện việc kiểm định đối với giảng viên và GS trợ lý, trong khi kiểm định 5 năm một lần đối với GS, PGS (theo tiêu chuẩn công bố khoa học, giải thưởng, số lượng công trình nghiên cứu, thành tích giảng dạy và hoạt động hàn lâm). Chỉ những ai từng được trên 10 giải thưởng nghiên cứu của nhà nước, hoặc các giải thưởng danh giá (Nobel, Fields, giải Tổng thống, giải của Chính phủ), hay được bầu là viện sĩ (của Viện Hàn lâm Trung Hoa) hoặc có từ 20 công trình nghiên cứu cấp nhà nước trở lên mới được miễn kiểm định. Vì vậy, chỉ có một số ít người chưa tới 40 tuổi được miễn kiểm định, còn tuyệt đại đa số đến khi về hưu mới không còn bị kiểm định và phải chịu áp lực rất lớn. Tương tự như đại học, mỗi khoa thuộc trường đại học đều được kiểm định cấp quốc gia, cấp quốc tế 5 năm một lần và nếu không đáp ứng đầy đủ yêu cầu kiểm định thì có thể bị đóng cửa, không được tuyển sinh, mất trợ cấp.

Gợi ý cho Việt Nam trong xây dựng đại học nghiên cứu

Việt Nam đã và đang quan tâm tìm kiếm áp dụng các mô hình đại học nghiên cứu của Trung Quốc (như Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa), hay mô hình một số

■ **Diễn đàn Khoa học - Công nghệ**

đại học hạt nhân, tiên tiến (Triết Giang, Nam Kinh, Hạ Môn, Vũ Hán, Hoa Trung, Phụ Đán, Giao thông, Trung Sơn, Cát Lâm, Nam Khai, Hợp Phi)... Có lẽ Việt Nam đã chọn 2 đại học quốc gia đi đầu trở thành đại học nghiên cứu và những trường đại học như Bách khoa Hà Nội, Ngoại thương, Kinh tế Quốc dân, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Cần Thơ... là các đại học trọng điểm. Đây là một ý tưởng hay. Vấn đề là chúng ta có thể làm được không? Theo thiển nghĩ của tôi, có lẽ là trong thời gian 10-15 năm, sẽ khó mà thành công. Do đó, cần chú ý nội hàm của các đại học theo nghĩa thực thụ của “đại học nghiên cứu” như sau:

Về văn hóa nghiên cứu

Chúng ta chỉ có thể xây dựng đại học nghiên cứu thực sự nếu trước hết *tạo ra được một nền văn hóa nghiên cứu theo chiều sâu*. Nền văn hóa nghiên cứu chỉ hình thành nếu giáo dục của chúng ta từ bỏ được lối học từ chương (chỉ chú trọng hình thức, không chú trọng nội dung), trọng hư danh bằng cấp; nếu chính sách không còn ngắn hạn, manh mún, không còn tư duy nhiệm kỳ và biết chú trọng tới nghiên cứu lâu dài. Chúng ta cũng chỉ có thể xây dựng mô hình đại học này *nếu chúng ta biết tự tin, tự lực, tự cường, tự túc* chứ không sính ngoại.

Đại học nghiên cứu phải là đại học sáng tạo, mà sáng tạo phải là hoa tiêu, dẫn đầu

Hiện nay, muốn có đại học đi trước thì cần có hướng đích và căn

cơ trong từng bước đi. Khó có đại học nghiên cứu khi vội vã, kiểu nhờ Đại học Harvard xây dựng “một trường đại học Harvard con” ở Việt Nam hay nhờ Hoa Kỳ xây dựng đại học kiểu nào đó thì khó mà được gọi là “đẳng cấp” vì khó phù hợp với thực tiễn. Trên thực tế, bắt chước, cho dù giỏi đến đâu đi nữa cũng chỉ tiệt cận đại học mà chúng ta “bắt chước” và khó có thể sánh ngang (chứ đừng nói vượt được họ). Bản chất của đại học nghiên cứu là sáng tạo, cạnh tranh, là hoa tiêu, dẫn đầu chứ không phải là chạy theo và càng không phải là bắt chước [ngay cả Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa tuy xếp hạng cao trong hệ thống QS và THE (top 100), nhưng vẫn đứng vị trí thấp trong bảng xếp hạng của Đại học Giao thông Thượng Hải (top 200) mà nguyên nhân là do “bắt chước” những đại học đẳng cấp của Hoa Kỳ].

Cơ sở, cấu trúc của đại học nghiên cứu

So với các đại học nghiên cứu của các nước, hệ thống khuôn viên đại học của chúng ta vẫn còn “tủn mủn”, nhỏ bé, rời rạc..., khó có thể nối kết một cách dễ dàng và càng không dễ phát huy công năng. Đại học Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa được xây dựng theo mô hình của Hoa Kỳ, nên khuôn viên của họ rất rộng, các học viện, các khoa đều nằm trong khuôn viên. Các sinh hoạt nghiên cứu, thể thao, nghệ thuật của người học và người giảng dạy, nghiên cứu đều dễ dàng và có cơ sở bề thế. Quan sát một số đại học ở Việt Nam, ngay cả

những đại học lớn, có khuôn viên rộng lớn nhưng sau nhiều năm xây cất vẫn chưa ra một mô hình chuyên nghiệp, thiếu nhiều cơ sở cần thiết liên hoàn như: thư viện, sân vận động, bể bơi, nhà sinh hoạt... Ngay cả căng tin cho sinh viên trong trường đại học - một tiêu chuẩn quan trọng của ngôi trường đại học đạt chuẩn quốc tế cũng chưa đạt (không có hay chưa đủ), rất khó để thu hút sinh viên và đồng nghiệp quốc tế đến học tập, làm việc.

Đại học nghiên cứu và văn hóa đọc

Tôi có dịp đến thăm thư viện của một số đại học ở Việt Nam thấy vài nghìn cuốn sách, số đọc giả thưa thớt (ngay cả Thư viện Thông tin Khoa học Xã hội có một tủ sách “loại hiếm” với quãng 40 nghìn đầu sách, nhưng số lượng đọc giả cũng rất ít dù mảng này khá mạnh trong hệ thống các đơn vị nghiên cứu). Quan trọng nhất của đại học nghiên cứu là thư viện và các phòng nghiên cứu. Nói một cách thẳng thắn khi đánh giá đại học nghiên cứu dựa trên tiêu chí này thì hiện nay đại học của chúng ta gần như là “số 0”. Một đại học chỉ với vài chục nghìn cuốn tài liệu thì khó có thể cạnh tranh được với trường đại học có hàng chục triệu đầu sách, chưa kể sách điện tử và tập san nghiên cứu. Chỉ riêng thư viện của Viện Yén Kinh - Yenching Institute - một thư viện rất nhỏ trong Đại học Harvard đã có gần 600000 đầu sách chuyên về Đông Á. Đại học Tokyo (Nhật Bản) - một đại học nghiên cứu có khoảng 15 triệu đầu sách. NTU khiêm tốn hơn

với khoảng 5 triệu đầu sách (3 triệu tại thư viện chính và 2 triệu tại các viện), cùng khoảng 1 triệu đầu sách điện tử và mỗi khoa đều có thư viện riêng với hàng chục nghìn đầu sách, không được tính vào tổng số sách của thư viện. Đại học Trường Vinh của Đài Loan tuy mới thành lập nhưng hiện đã có trên 600000 đầu sách tại thư viện chính, chưa kể các viện và khoa.

Đại học nghiên cứu và ngân quỹ

Đại học nghiên cứu đòi hỏi sự đầu tư ngân quỹ khổng lồ. Theo quan sát của cá nhân, tôi chưa thấy một đại học nghiên cứu nào đi vay tiền - bởi vay thì phải trả, nhưng trả như thế nào là một vấn đề cần lưu tâm đối với một nước đang phát triển, nguồn lực có hạn. Trung Quốc tài trợ rộng rãi cho những đại học trọng điểm, đặc biệt là các đại học trong top 10 (nhất là 2 đại học Bắc Kinh và Thanh Hoa). Theo quan sát của cá nhân, hai đại học này được nhà nước đầu tư hàng tỷ USD trong vài năm gần đây. Nếu thiếu tài chính, đồng lương thấp thì làm sao có thể thu hút được những người tài giỏi từ nước ngoài. Đại học Bắc Kinh vượt lên nhanh chóng nhờ nguồn tài chính phong phú. Vào năm 1996, khi tôi đến giảng dạy tại Đại học Bắc Kinh thì lương GS của đại học này chỉ bằng 1/30 lương GS của NTU. Hiện nay, sau 22 năm, lương của một GS ở đây đã gần gấp đôi lương một GS NTU. Có thể thấy rõ ràng lý do tăng trưởng vượt bậc của họ.

Đại học nghiên cứu và tính tự chủ

Chúng ta cần quán triệt tinh thần tự chủ trên mọi phương diện, đặc biệt là tự chủ về tổ chức, nhân sự. Hiện nay, tại Việt Nam vẫn quá coi trọng bằng cấp, hầu như đại học nào cũng được phép đào tạo và cấp bằng tiến sỹ (dù có trường không có chuyên gia về ngành này). Nếu không bỏ được "lối mòn" thiếu tôn trọng học thuật thì phải rất lâu nữa chúng ta mới có được đại học nghiên cứu theo đúng nghĩa.

Về kinh phí, thời gian

Đại học nghiên cứu cần rất nhiều kinh phí đầu tư. Xây một phòng thí nghiệm có thể tốn hàng trăm triệu USD, thậm chí hàng tỷ USD. Ngân quỹ của Harvard hàng năm dao động trong khoảng 5 tỷ USD (với trên 2 tỷ để trả lương và hơn 500 triệu dành cho học bổng, giúp sinh viên) và quỹ của Đại học Harvard năm 2016 đã tới trên 44,6 tỷ USD. Ngân quỹ sử dụng của Đại học Tokyo vào khoảng 2594 tỷ Yen (tương đương 2,6 tỷ USD), Đại học Thanh Hoa khoảng 23,3 tỷ nhân dân tệ (3,2 tỷ USD), và NTU từ 600 triệu đến 1 tỷ USD. Trong năm 2015, chỉ riêng Đại học Harvard được tặng hơn 1,6 tỷ USD, trong khi các đại học của chúng ta chỉ dựa vào ngân quỹ nhà nước cấp, và học phí thu rất thấp so với thế giới, nhưng lại quá cao khi tính theo thu nhập đầu người mà chưa có "văn hóa" quyên góp, đóng góp cho các trường đại học. Tại Việt Nam, ngân sách nhà nước cấp khá hạn chế, đầu tư cho KH&CN

của tư nhân hạn chế và đại học không được quan tâm đóng góp, vậy thì làm sao khuyến khích đại học nghiên cứu. Về điểm này, chính sách khuyến khích quyên góp cho giáo dục, miễn thuế cho đầu tư cần được ban hành sớm.

*
* *

Tôi không quá bi quan, và vẫn lạc quan tin rằng Việt Nam có thể xây dựng những đại học nghiên cứu. Để làm được điều đó, tôi nghĩ chúng ta cần cải tổ và chú trọng những điểm sau: *Một là*, tạo ra văn hóa nghiên cứu, văn hóa đọc, văn hóa học hỏi - tìm tòi. *Hai là*, phát triển nghiên cứu cộng tác với khu vực kỹ nghệ, xí nghiệp. *Ba là*, tổ chức khoa học theo tinh thần của những đại học nghiên cứu hàng đầu (tuy học theo, nhưng là điều phải học và biết gạn đục khơi trong). *Bốn là*, phải có một chính sách trọng dụng nghiên cứu, đảm bảo tự do học thuật, đảm bảo tài chính, đảm bảo tự chủ (bỏ chính sách xin - cho, thay vào đó là chính sách quyền lợi phải có).

Bên cạnh đó, phải có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với nhân tài (sống, làm việc, môi trường sống cho gia đình của họ), ví dụ, chính sách lương bổng mà Hàn Quốc, Trung Quốc và nhất là Singapore và Hồng Kông đã và đang dành cho đại học nghiên cứu của họ. Huy động sự đóng góp, quyên tặng của giới kỹ nghệ, sản xuất... với chính sách miễn thuế cho số tiền quyên góp cho giáo dục, nghiên cứu ✍